

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HSPT

Ngày: 29 – 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán: Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**

Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Tuyết Hoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2024/HSPT ngày 04/7/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HSST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/7/1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí Q (chết) và bà Đỗ Thị T1 (chết); chồng Võ Hoàng V và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 15/7/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong bản án.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Ngọc T2, Luật sư Công ty L1 thuộc

đoàn Luật sư tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2022, Nguyễn Thị Thanh T đã nhiều lần cho Bùi Thị Mỹ L mượn tiền. Đến ngày 08/4/2023, T và L tổng hợp số tiền nợ là 250.000.000đ và thỏa thuận mỗi ngày L đưa cho T 200.000đ đến khi đủ 250.000.000đ. Sau khi thỏa thuận, L vẫn chưa đưa tiền cho T lần nào.

Khoảng 11 giờ ngày 15/4/2023, T kêu con gái của T là Võ Nguyễn Anh D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64C1 - 188.05 chở đến tiệm hớt tóc “Hoa Anh Đào” tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do chị L quản lý để đòi tiền chị L đã thiếu, chị T và chị L xảy ra xô xát đánh nhau bằng tay chân. Chị D điện thoại cho anh Võ Nguyễn Anh D là con ruột của T đến để can ngăn. Trong lúc can ngăn chị D cầm nón bảo hiểm đánh trúng chị L ở vùng đầu mặt. Sau đó chị T kêu D lấy chiếc xe máy biển kiểm soát 64AC – 074.27 là tài sản của chị L đang dựng trong tiệm chạy ra bệnh viện đa khoa tỉnh V để gửi. Còn chị T thì lấy giấy tờ xe và một số giấy tờ khác của chị L đi về nhà. Sau đó chị L đến cơ quan công an trình báo sự việc và đến Bệnh viện đa khoa tỉnh V để điều trị vết thương. Đến ngày 17/4/2023 thì chị L xuất viện về nhà. Về phía chị T đã tự nguyện giao nộp tất cả tài sản đã chiếm đoạt của chị L cho cơ quan Công an và đến Bệnh viện đa khoa tỉnh V chụp Xquang, kết quả chuẩn đoán bị can T bị thương ở tay phải.

Trong quá trình điều tra chưa đủ căn cứ chứng minh Võ Nguyễn Anh D có vai trò đồng phạm trong vụ án.

Theo kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 29/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: Xe máy biển kiểm soát 64AC - 074.27 trị giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể số 208/KLTTCT-TTPY ngày 04/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Bùi Thị Mỹ L tại thời điểm giám định là 01%.

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể số 211/KLTTCT-TTPY ngày 04/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Thị Thanh T tại thời điểm giám định là 01%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HSST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 1 điều 170; các điểm b, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Võ Nguyễn Anh Đ 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội Cưỡng đoạt tài sản; quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/5/2024, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, nhưng mức án cấp sơ thẩm xét xử là nặng đối với bị cáo, bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 (một) năm tù. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu: Thống nhất với quan điểm của vị Kiểm sát viên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm e, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị Quyết số 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của vị luật sư, không có lời bào chữa bổ sung.

Kiểm sát viên và vị luật sư tham gia phát biểu tranh luận, sau cùng các bên bảo lưu ý kiến đã đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trên cơ sở từ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: do bị hại Bùi Thị Mỹ L không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền vay cho bị cáo nên vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 15/4/2024 bị cáo T cùng con gái là Võ Nguyễn Anh Đ đến cửa tiệm “H” của bị hại L để lấy tiền. Do bị hại L không trả tiền như đã hứa nên giữa bị cáo T và bị hại L có xảy ra xô xát với nhau. Đ dùng nón bảo hiểm đánh vào phần đầu của L gây thương tích. Sau khi đánh nhau, T kêu Đ lấy xe máy biển số 64AC-074.27 trị giá 4.000.000đ của L đem đi gửi tại Bệnh viện đa khoa tỉnh V nhằm mục đích trừ nợ. Sau đó T đã đến trình báo Công an và giao nộp xe đã chiếm đoạt. Kết luận giám định bị hại L tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01%. Kết luận giám định bị cáo T tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01%.

Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và Võ Nguyễn Anh Đ cùng phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét án sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, hành vi của bị cáo là phạm tội nhất thời do bị hại nợ tiền và hứa trả tiền nhưng không thực hiện, phía bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo T, xử bị cáo mức án 01 năm tù là chưa tương xứng với hành vi phạm tội so với bị cáo Võ Nguyễn Anh Đ trong cùng vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HSST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (29/8/2024).

Giao người bị kết án Nguyễn Thị Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HLH: 04;
- CQTHADS HLH: 01;
- CQTHAHS HLH: 01;
- TTG, BC: 02;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã L: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm